VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 148/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Văn Thành

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Kèm theo Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ)

Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 06-NQ/TW) đã đề ra mục tiêu tổng quát: "Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hoá, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối với khu vực và thế giới. Thể chế, chính sách về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững cơ bản được hoàn thiện. Kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại. Kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững. Chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị. Phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy".

Căn cứ quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 06-NQ/TW, Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW với những nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhằm thống nhất trong công tác chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức quán triệt sâu rộng các nội dung và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, hành động của lãnh đạo các ngành, các cấp đối với công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý phát triển đô thị hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu tại Nghị quyết 06-NQ/TW của Bộ Chính trị bằng những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực của

Chính phủ gắn với kế hoạch tổ chức thực hiện theo lộ trình cụ thể nhằm đạt được mục tiêu của Nghị quyết.

3. Phát huy vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng, tập trung, dân chủ. Phân công cụ thể cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp đảm bảo phù hợp với năng lực để Chính phủ và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của Nghị quyết số 06-NQ/TW.

4. Phấn đấu đạt các mục tiêu cụ thể:

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc đến năm 2025 đạt tối thiểu 45%, đến năm 2030 đạt trên 50%. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,5 - 1,9% vào năm 2025, đến năm 2030 đạt khoảng 1,9 - 2,3%.

- Số lượng đô thị toàn quốc đến năm 2025 khoảng 950 - 1.000 đô thị, đến năm 2030 khoảng 1.000 - 1.200 đô thị. Đến năm 2025, 100% các đô thị hiện có và đô thị mới có quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị; bảo đảm tối thiểu 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hoá cấp đô thị. Đến năm 2030, hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đạt các chỉ tiêu về y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa cấp đô thị tương đương mức bình quân của các đô thị thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN.

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 11 - 16% vào năm 2025, 16 - 26% vào năm 2030. Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 6 - 8 m^2 vào năm 2025, khoảng 8 - 10 m^2 vào năm 2030. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt tối thiểu 28 m^2 vào năm 2025, đến năm 2030 đạt tối thiểu 32 m^2.

- Đến năm 2025, hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình tại đô thị, phổ cập dịch vụ mạng di động 4G, 5G và điện thoại thông minh; tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 80%. Đến năm 2030, phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang, phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử đạt 100%.

- Kinh tế khu vực đô thị đóng góp vào GDP cả nước khoảng 75% vào năm 2025 và khoảng 85% vào năm 2030. Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của các đô thị trực thuộc Trung ương đạt bình quân 25 - 30% vào năm 2025, 35 - 40% vào năm 2030. Xây dựng được mạng lưới đô thị thông minh trung tâm cấp quốc gia và cấp vùng

kết nối quốc tế và 3 - 5 đô thị có thương hiệu được công nhận tầm khu vực và quốc tế vào năm 2030.

Tầm nhìn đến năm 2045: Tỷ lệ đô thị hóa thuộc nhóm trung bình cao của khu vực ASEAN và châu Á. Hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền, có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, kiến trúc tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh. Xây dựng được ít nhất 5 đô thị đạt tầm cỡ quốc tế, giữ vai trò là đầu mối kết nối và phát triển với mạng lưới khu vực và quốc tế. Cơ cấu kinh tế khu vực đô thị phát triển theo hướng hiện đại với các ngành kinh tế xanh, kinh tế số chiếm tỉ trọng lớn.

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai 05 nhóm nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Thống nhất nhận thức, hành động về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam

Các cơ quan chức năng ở các cấp tổ chức quán triệt và thực hiện tuyên truyền, giáo dục, vận động sâu rộng trong toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; thường xuyên, định kỳ tổ chức các hình thức tuyên truyền phổ biến và đánh giá việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 06-NQ/TW, cũng như các Nghị quyết khác của Đảng và Nhà nước liên quan đến quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị.

2. Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững

a) Nhiệm vụ 1: Tổ chức lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nội dung thực hiện: Theo tiến độ, nhiệm vụ được phê duyệt.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp các bộ, ngành và các địa phương.

b) Nhiệm vụ 2: Tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy chế quản lý kiến trúc.

- Nội dung thực hiện: Đến năm 2025, hoàn thành rà soát, phủ kín quy hoạch chung tại các đô thị hiện có và đô thị mới; các đô thị vừa và lớn đều có quy chế

quản lý kiến trúc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đến năm 2030, tối thiểu phủ kín quy hoạch phân khu các khu vực trung tâm, khu vực dự kiến phát triển và khu vực dự kiến thành lập mới đơn vị hành chính đô thị (quận, phường). Tiếp tục hoàn thành lập và phê duyệt quy chế quản lý kiến trúc đô thị tại các đô thị trên toàn quốc; quan tâm, thúc đẩy lập, phê duyệt quy hoạch không gian ngầm ít nhất tại các thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cơ quan thực hiện: Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo trách nhiệm, thẩm quyền được pháp luật quy định.

c) Nhiệm vụ 3: Tổng kết, đánh giá mô hình Ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội, vùng Thành phố Hồ Chí Minh và mô hình tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm; đề xuất mô hình quản lý vùng đô thị phù hợp cho giai đoạn 2022 - 2030.

- Nội dung thực hiện: Báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ về việc tổng kết, đánh giá mô hình Ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội, vùng Thành phố Hồ Chí Minh và mô hình tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm. Đề xuất mô hình quản lý vùng đô thị.

- Cơ quan thực hiện:

+ Bộ Xây dựng chủ trì tổng kết, đánh giá mô hình Ban chỉ đạo thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội.

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng kết mô hình tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015 - 2020; đề xuất mô hình quản lý vùng đô thị giai đoạn 2022 - 2030 phù hợp với các quy hoạch vùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Nhiệm vụ 4: Tổ chức lập Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nội dung thực hiện: Đến quý IV năm 2025, hoàn thành việc tổ chức lập Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo tính tương thích đồng bộ giữa quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính và quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp Bộ Xây dựng, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan.

3. Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu

Tiếp tục triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, dự án đang thực hiện về nâng cấp, phát triển đô thị. Nghiên cứu xây dựng theo quy định pháp luật hiện hành các Chương trình về xây dựng, cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và đầu tư phát triển đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng đô thị ở cấp quốc gia, tỉnh và từng đô thị nhằm cụ thể hóa các chỉ tiêu của Nghị quyết số 06-NQ/TW đối với tỉnh, từng đô thị để thống nhất rà soát, lập chương trình phát triển đô thị để thực hiện đầu tư có trọng tâm trọng điểm ít nhất 100 đô thị tiêu biểu, có khả năng chống chịu, giảm phát thải, thông minh, có bản sắc và hoàn thiện điều kiện hạ tầng đô thị; tập trung vào các nhóm nhiệm vụ chính như sau:

a) Nhiệm vụ 5: Tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc lập, thẩm định, phê duyệt chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và chương trình phát triển đô thị từng đô thị.

- Nội dung thực hiện: phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị đối với các đô thị loại IV trở lên, cụ thể hóa các chỉ tiêu của Nghị quyết số 06-NQ/TW đối với tỉnh và từng đô thị trong tỉnh; rà soát, lập chương trình phát triển đô thị 100 đô thị tiêu biểu, có khả năng chống chịu, giảm phát thải, thông minh, có bản sắc và hoàn thiện điều kiện hạ tầng đô thị.

- Cơ quan thực hiện:

+ Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo thẩm quyền, phối hợp với Bộ Xây dựng theo quy định của pháp luật.

+ Bộ Xây dựng tổng hợp nhu cầu cần hỗ trợ để hoàn thành chỉ tiêu đề ra về lập Chương trình phát triển đô thị, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

+ Bộ Xây dựng tổng hợp, đề xuất xây dựng Chương trình quốc gia về phát triển đô thị theo quy định pháp luật hiện hành.

b) Nhiệm vụ 6: Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các đô thị.

- Nội dung thực hiện:

+ Phát triển các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội toàn đô thị theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch đô thị và quy chuẩn về hạ tầng kỹ thuật đô thị, các yêu cầu cụ thể tại Nghị quyết số 06-NQ/TW, trong đó bình quân chung cả nước tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 11 - 16% vào năm 2025, 16 - 26% vào năm 2030; diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 6 - 8 m^2 vào năm 2025, khoảng 8 - 10 m^2 vào năm 2030.

+ Ưu tiên thực hiện các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm: cây xanh đô thị, giao thông đô thị, thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt và chất thải rắn đô thị.

+ Xây dựng đồng bộ hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường tại các đô thị.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các bộ, ngành liên quan theo quy định về đầu tư, đầu tư công.

c) Nhiệm vụ 7: Cải tạo, chỉnh trang các đô thị vừa và lớn từ loại III trở lên.

- Nội dung thực hiện:

+ Hoàn thiện tiêu chuẩn phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị của các đô thị loại III trở lên. Khắc phục tình trạng thiếu trường, thiếu lớp hiện nay nhất là giáo dục mầm non, tiểu học, trung học tại các đô thị lớn, khu công nghiệp.

+ Đến năm 2030, cơ bản giảm thiểu tình trạng ngập úng, nâng cao năng lực thông hành chống ách tắc giao thông; cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ theo dự án gắn với cải tạo, chỉnh trang đô thị, phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển nhà ở và kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; cải tạo chỉnh trang các khu dân cư ven kênh rạch gắn với tái định cư; hình thành mới các trục không gian cảnh quan kiến trúc đặc thù của đô thị; bảo tồn tôn tạo khu vực công trình kiến trúc có giá trị; phát triển các không gian công cộng đô thị.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các bộ, ngành liên quan theo quy định về đầu tư, đầu tư công.

d) Nhiệm vụ 8: Thí điểm thực hiện các dự án tái thiết đô thị và nghiên cứu đề xuất thí điểm các mô hình đột phá, đổi mới sáng tạo.

- Nội dung thực hiện: Thí điểm lựa chọn vị trí, thực hiện dự án tái thiết đô thị tại khu vực trung tâm, tạo khu vực động lực thúc đẩy phát triển kinh tế đô thị; thí điểm các mô hình đột phá, đổi mới sáng tạo thu hút đầu tư phát triển đô thị tại 6 - 8 đô thị trung tâm cấp vùng.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các bộ, ngành liên quan theo quy định về đầu tư, đầu tư công.

đ) Nhiệm vụ 9: Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, liên vùng.

- Nội dung thực hiện:

+ Đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật đầu mối, các dự án cấp nước, xử lý rác thải liên vùng theo quy hoạch vùng, ưu tiên khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

+ Đầu tư khép kín các đường vành đai, đường xuyên tâm, hệ thống giao thông công cộng đồng bộ có sức chở lớn, bến, bãi đỗ xe tại các đô thị.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các bộ, ngành trung ương theo quy định về đầu tư, đầu tư công.

e) Nhiệm vụ 10: Đầu tư phát triển đảm bảo an sinh nhà ở

- Nội dung thực hiện: Thực hiện các chỉ tiêu đảm bảo an sinh nhà ở theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị trên cả nước đạt tối thiểu 28 m^2 vào năm 2025, đến năm 2030 đạt tối thiểu 32 m^2.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ ngành có liên quan.

g) Nhiệm vụ 11: Xây dựng, phát triển đô thị thông minh

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên đến năm 2025, các nhiệm vụ giải pháp đến năm 2030 theo Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2018.

+ Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý về phát triển đô thị thông minh bền vững; hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; hệ thống hạ tầng dữ liệu, hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của đô thị thông minh. Xác định rõ lộ trình thí điểm và lựa chọn các đô thị thí điểm đô thị thông minh; cho phép thực hiện thí điểm một số cơ chế đặc thù trong quá trình triển khai thí điểm phát triển đô thị thông minh bảo đảm tính hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế.

- Cơ quan thực hiện: Theo phân công nhiệm vụ tại Quyết định số 950/QĐ-TTg.

h) Nhiệm vụ 12: Xây dựng, phát triển đô thị có năng lực chống chịu, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển các công trình xanh, khu đô thị xanh trong đô thị, đảm bảo chất lượng môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh.

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện các chương trình, dự án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2021.

+ Khuyến khích và thúc đẩy việc đầu tư, xây dựng, quản lý và vận hành các dự án đầu tư xây dựng công trình theo tiêu chí, tiêu chuẩn công trình xanh, các dự án khu đô thị theo tiêu chí khu đô thị xanh.

+ Rà soát các biện pháp, công nghệ cung cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải để đảm bảo khả năng thích ứng với các điều kiện khí hậu cực đoan có thể xảy ra do tác động của biến đổi khí hậu.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan.

i) Nhiệm vụ 13: Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với các khu vực nông thôn đô thị hóa.

- Nội dung thực hiện: thực hiện các chỉ tiêu của chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; từng bước tiếp cận về điều kiện hạ tầng, dịch vụ đô thị, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

k) Nhiệm vụ 14: Rà soát tổng thể, sắp xếp lại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các đô thị.

- Nội dung thực hiện: Rà soát tổng thể, sắp xếp lại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các đô thị theo hướng thiết thực, hiệu quả, đa năng, phục vụ rộng rãi các đối tượng, phù hợp với Chiến lược phát triển văn hóa, thể thao đến năm 2030.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

l) Nhiệm vụ 15: Hạn chế xe cá nhân và khuyến khích các phương tiện giao thông công cộng, thân thiện môi trường.

- Nội dung thực hiện: Xây dựng lộ trình và giải pháp khả thi hạn chế xe cá nhân, nhất là xe máy tại các đô thị lớn. Xây dựng đồng bộ về hạ tầng và ban hành các chính sách ưu đãi để khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng, thân thiện với môi trường tại đô thị.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp Bộ Giao thông vận tải.

m) Nhiệm vụ 16: Giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị.

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn theo hướng tối đa hóa giá trị của chất thải, lộ trình hạn chế xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp thông qua đẩy mạnh áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường.

+ Tập trung vào các hoạt động huy động nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cũng như đa dạng hóa nguồn đầu tư từ các thành phần kinh tế đóng vai trò quan trọng để khuyến khích hoạt động phân loại chất thải rắn tại nguồn, cải thiện công nghệ tái chế, thân thiện môi trường trong quản lý chất thải.

+ Khuyến khích các đô thị quy hoạch và xây dựng các điểm thu gom, phân loại rác thải trong đô thị và khu dân cư bảo đảm vệ sinh môi trường và cảnh quan đô thị.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp các bộ ngành có liên quan.

n) Nhiệm vụ 17: Đề xuất các biện pháp kiểm soát, cải thiện chất lượng không khí.

- Nội dung thực hiện: triển khai theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các nhiệm vụ đã được phân giao theo Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 - 2025; huy động các nguồn lực lập và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh; giải quyết các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải tại khu vực sản xuất tập trung, khu dân cư và nút giao thông đô thị.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp các bộ, ngành có liên quan.

o) Nhiệm vụ 18: Mô hình bảo đảm phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở tại đô thị.

- Nội dung thực hiện: Tăng đầu tư, biên chế bảo đảm phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở tại đô thị đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Hoàn thiện mô hình cơ quan kiểm soát và phòng, chống dịch bệnh tại trung ương và các địa phương bảo đảm đồng bộ với quá trình phát triển đô thị, đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe dân cư đô thị. Nâng cấp hạ tầng và hoàn thiện hệ thống quản lý tình huống khẩn cấp, tăng cường năng lực phòng, chống và giảm thiểu thiên tai, dịch bệnh tại các đô thị.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp Bộ Y tế, các bộ, ngành có liên quan.

4. Xây dựng các nhiệm vụ, đề án chuyên ngành

a) Nhiệm vụ 19: Sơ kết việc thực hiện tổ chức mô hình chính quyền đô thị theo các Nghị quyết của Quốc hội.

- Nội dung thực hiện: Sơ kết, tổng kết việc thực hiện tổ chức mô hình chính quyền đô thị theo các Nghị quyết của Quốc hội; hoàn thiện thể chế về mô hình tổ chức chính quyền đô thị.

- Cơ quan thực hiện:

+ Ủy ban nhân dân các thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng chủ trì sơ kết, phối hợp Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan.

+ Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

b) Nhiệm vụ 20: Xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển đô thị.

- Nội dung thực hiện: Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực, tăng cường hiệu quả và tính chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu của chính quyền đô thị các cấp. Xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển đô thị. Xây dựng vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành gắn với nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức về quản lý đô thị từ trung ương đến địa phương.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng, phối hợp Bộ Nội vụ, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Nhiệm vụ 21: Rà soát quy hoạch về giao thông bảo đảm thông suốt và liên kết vùng.

- Nội dung thực hiện: Định kỳ rà soát quy hoạch về giao thông, bảo đảm thông suốt và liên kết vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

d) Nhiệm vụ 22: Nghiên cứu mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quản lý đô thị.

- Nội dung thực hiện: Xây dựng và hoàn thiện các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quản lý đô thị phù hợp với yêu cầu thực tiễn, chú trọng ứng dụng công nghệ số trong quá trình thực hiện.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Công an chủ trì, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp.

5. Xây dựng các cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật

Tập trung nghiên cứu, xây dựng hoàn thiện thể chế, trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách chủ yếu sau:

a) Nhiệm vụ 23:

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật điều chỉnh về Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng, phối hợp các bộ, ngành, địa phương.

- Nghiên cứu, đổi mới toàn diện về phương pháp, quy trình, nội dung và sản phẩm quy hoạch đô thị.

+ Nội dung nghiên cứu: Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quy hoạch đô thị theo hướng tiếp cận đa ngành, bao trùm, tầm nhìn dài hạn, toàn diện, có tính chiến lược, tôn trọng quy luật thị trường và nguyên tắc phát triển bền vững; đảm bảo tính tầng bậc, liên tục, thống nhất, đầy đủ, tích hợp của hệ thống quy hoạch, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch nông thôn; phân định rõ các vùng trong nội dung quy hoạch đô thị và áp dụng các công cụ kiểm soát phát triển theo quy hoạch và kế hoạch; ứng dụng GIS trong công tác lập và quản lý quy hoạch, gắn quy hoạch đô thị với nguồn lực thực hiện; lồng ghép trong sửa đổi, bổ sung Luật điều chỉnh về Quy hoạch đô thị và nông thôn.

+ Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng, phối hợp các bộ, ngành, địa phương.

b) Nhiệm vụ 24: Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật điều chỉnh về quản lý và phát triển đô thị.

Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng, phối hợp các bộ, ngành, địa phương.

c) Nhiệm vụ 25: Xây dựng Luật Nhà ở (sửa đổi)

Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng, phối hợp các bộ, ngành, địa phương.

d) Nhiệm vụ 26: Xây dựng Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi)

Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng, phối hợp các bộ, ngành, địa phương.

đ) Nhiệm vụ 27: Nghiên cứu, xây dựng Luật điều chỉnh về cấp, thoát nước

Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng, phối hợp các bộ, ngành, địa phương.

e) Nhiệm vụ 28: Nghiên cứu, xây dựng Luật điều chỉnh về quản lý không gian ngầm

Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng, phối hợp các bộ, ngành, địa phương.

g) Nhiệm vụ 29:

- Nghiên cứu, rà soát Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi, bổ sung)

+ Nội dung thực hiện: Nghiên cứu các chính sách trong đó sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các chính sách về tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý tài chính, ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và một số đô thị lớn; rà soát, xác định tỷ lệ nguồn thu giữ lại hợp lý hơn đối với các đô thị đặc biệt để bảo đảm phát huy vai trò của các đô thị động lực trong cả nước, có cơ chế tạo nguồn thu, phân cấp ngân sách để lại cho các đô thị có kế hoạch nâng loại đô thị; phân quyền mạnh mẽ cho các chính quyền đô thị các khoản thu từ các loại thuế, phí. Thí điểm, tiến tới mở rộng phân cấp cho các thành phố trực thuộc Trung ương và các đô thị khác đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện được quyết định một số khoản thu đặc thù gắn với yêu cầu tăng cường trách nhiệm cung cấp dịch vụ đô thị. Tiếp tục có chính sách khuyến khích, ưu đãi đặc biệt về thuế đối với các dự án cung cấp dịch vụ xã hội đô thị ở các khu kinh tế, các vùng công nghiệp lớn.

+ Cơ quan thực hiện: Bộ Tài chính, phối hợp các bộ, ngành và địa phương sau khi có ý kiến kết luận của Bộ Chính trị về nội dung phân cấp ngân sách.

- Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách thuế, phí liên quan đến bất động sản.

+ Nội dung thực hiện: Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách thuế, phí liên quan đến bất động sản nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả. Hoàn thiện hành lang pháp lý và mô hình tổ chức phù hợp để Nhà nước quản lý thị trường bất động sản, kiểm soát và sử dụng hiệu quả giá trị gia tăng từ đất khi hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng giao thông được đầu tư mở rộng và khai thác quỹ đất hai bên tuyến đường nhằm tạo nguồn thu cho đô thị.

+ Cơ quan thực hiện: Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp.

h) Nhiệm vụ 30: Xây dựng Luật Việc làm (sửa đổi).

Cơ quan thực hiện: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, phối hợp các bộ, ngành và địa phương.

i) Nhiệm vụ 31: Xây dựng Luật Đất đai (sửa đổi)

Cơ quan thực hiện: Bộ Tài nguyên và Môi trường, phối hợp các bộ, ngành, địa phương.

k) Nhiệm vụ 32: Rà soát, sửa đổi bổ sung hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững.

- Nội dung thực hiện:

+ Rà soát, sửa đổi bổ sung hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị phù hợp với các quy định, tiêu chuẩn quốc tế và thực tiễn Việt Nam.

+ Quy chuẩn, tiêu chuẩn riêng cho xây dựng và lựa chọn mô hình phát triển đô thị bền vững, phù hợp từng vùng, miền, tại những địa bàn đồi, núi, cao nguyên, vùng có tính trọng yếu về quốc phòng, an ninh, các đô thị có nhiều di tích lịch sử, di sản văn hóa, cảnh quan thiên nhiên cần bảo tồn, gìn giữ.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan.

l) Nhiệm vụ 33: Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế chính sách đặc thù

- Hoàn thiện các chính sách xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng về bảo vệ nguồn nước, quản lý chất thải, sử dụng tài nguyên, đất đai theo đặc điểm từng vùng miền.

Cơ quan thực hiện: Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các bộ, ngành, địa phương.

- Triển khai xây dựng và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế; triển khai xây dựng và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về nâng cao hiệu quả phát triển Khu công nghiệp và Khu kinh tế trong giai đoạn tới; đề xuất cơ chế chính sách về việc tích hợp các quy hoạch về tài nguyên và môi trường, biến đổi khí hậu với đô thị trong quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia; cơ chế chính sách về xây dựng dữ liệu thông tin, cập nhật thông tin nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu vùng, quốc gia.

Cơ quan thực hiện: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, phối hợp các bộ, ngành, địa phương.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở quán triệt, bám sát nội dung Nghị quyết số 06-NQ/TW, căn cứ những nhiệm vụ chủ yếu trong Chương trình hành động này và chức năng, nhiệm vụ được phân công, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ; tổ chức thông tin, tuyên truyền phổ biến rộng rãi Nghị quyết số 06-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ đến các tổ chức, cơ quan, nhân dân trong phạm vi cả nước. Các bộ, ngành và địa phương định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện; đồng thời gửi báo cáo đến Bộ Xây dựng để theo dõi và tổng hợp.

2. Bộ Xây dựng:

- Là cơ quan đầu mối phối hợp các bộ, ngành và địa phương, tổng hợp đề xuất, xây dựng Chương trình Quốc gia về xây dựng, cải tạo, chỉnh trang tái thiết đô thị và phát triển đô thị, báo cáo Thủ tướng Chính phủ nhu cầu cần trung ương hỗ trợ để hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu về phát triển đô thị đề ra tại Nghị quyết số 06-NQ/TW, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các địa phương trong bố trí, vận động thu hút đa dạng hóa nguồn lực để thống nhất thực hiện đầu tư có trọng tâm trọng điểm, đảm bảo đạt được mục tiêu Chương trình hành động đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương điều phối, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu theo yêu cầu của Nghị quyết số 06-NQ/TW tại các tỉnh, thành phố; chủ trì hướng dẫn các địa phương thực hiện Chương trình hành động, tổng hợp các kiến nghị, đề xuất để báo cáo cấp có thẩm quyền; đầu mối tổ chức nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn các biện pháp tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 06-NQ/TW; định kỳ báo cáo và kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cần thiết đảm bảo việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển đô thị quốc gia theo từng giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì xây dựng tổng mức và cân đối vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước; xây dựng định hướng thu hút và sử dụng ODA, vốn vay ưu đãi; hướng dẫn các cơ quan chủ quản xây dựng danh mục các chương trình, dự án ưu tiên vận động ODA, vốn vay ưu đãi, ưu tiên bố trí đủ nguồn lực cho thực hiện mục tiêu Chương trình hành động.

- Chỉ đạo tổ chức định kỳ điều tra, thống kê quốc gia việc thực hiện các chỉ tiêu cụ thể được yêu cầu tại Nghị quyết số 06-NQ/TW.

4. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm nghiên cứu, quán triệt sâu sắc nội dung, chủ động lồng ghép các quan điểm chỉ đạo, các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 06-NQ/TW và 05 nhóm nhiệm vụ, giải pháp đã nêu tại Chương trình hành động này trong các quy hoạch, kế hoạch, chương trình có liên quan để tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết số 06-NQ/TW.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung, các bộ, ngành, địa phương chủ động đề xuất, Bộ Xây dựng tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cần đạt được		Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
1	Tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc	%	≥ 45	> 50	Bộ Xây dựng
2	Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên	%	1,5 - 1,9	1,9 - 2,3	Bộ Xây dựng
3	Số lượng đô thị toàn quốc		950 - 1000	1000 - 1200	Bộ Xây dựng
4	Tỷ lệ đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị	%	100		Bộ Xây dựng
5	Tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị	%	100		Bộ Xây dựng
6	Tỷ lệ các đô thị hiện có và đô thị mới có chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị.	%	100		Bộ Xây dựng
7	Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị	%	11 - 16	16 - 26	Bộ Xây dựng
8	Diện tích cây xanh đô thị bình quân trên mỗi người dân đô thị	m^2/ người	6 - 8	8 - 10	Bộ Xây dựng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cần đạt được		Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
9	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị.	m^2/ người	≥ 28	≥ 32	Bộ Xây dựng
10	Tỷ lệ phủ kín hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đến các hộ gia đình	%	> 80	100	Bộ Thông tin và Truyền thông
11	Tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử	%	> 80	> 100	Ngân hàng Nhà nước
12	Đóng góp kinh tế khu vực đô thị vào GDP cả nước	%	75	85	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
13	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của các đô thị trực thuộc Trung ương	%	25 - 30	35 - 40	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
14	Số lượng đô thị có thương hiệu được công nhận tầm khu vực và quốc tế	Đô thị		3 - 5	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chủ trì, Bộ Xây dựng phối hợp
15	Số lượng trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đạt các chỉ tiêu về y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa cấp đô thị tương đương mức bình quân của các đô thị thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN	Đô thị		Hình thành một số trung tâm đô thị	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chủ trì, Bộ Xây dựng phối hợp

Phụ lục II

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 06-NQ/TW

(Kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ)

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	CẤP TRÌNH	THỜI HẠN
I	**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUY HOẠCH VÀ QUẢN LÝ QUY HOẠCH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG, QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG**				
1	Tổ chức lập quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2022 - 2023
2	Tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy chế quản lý kiến trúc	Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Các cơ quan có liên quan	Cấp có thẩm quyền theo pháp luật	2022 - 2025
3	Tổng kết, đánh giá mô hình Ban Chỉ đạo thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2025
	Tổng kết mô hình tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm; đề xuất mô hình quản lý vùng đô thị phù hợp cho giai đoạn 2021 - 2030	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	CẤP TRÌNH	THỜI HẠN
4	Tổ chức lập quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Nội vụ	Các Bộ: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Thủ tướng Chính phủ	2025
II	**ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG ĐÔ THỊ ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI, LIÊN KẾT, THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**				
(Các nhiệm vụ từ nhiệm vụ 5 đến nhiệm vụ 18 về đầu tư phát triển được cụ thể tại Phụ lục III)					
III	**XÂY DỰNG CÁC NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN CHUYÊN NGÀNH**				
19	Sơ kết việc thực hiện tổ chức mô hình chính quyền đô thị theo các Nghị quyết của Quốc hội	Bộ Nội vụ; Ủy ban nhân dân các thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng	Các Bộ: Xây dựng, Văn phòng Chính phủ, Tài chính, Tư pháp, Công an, Quốc phòng, Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan	Cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật	2023
20	Xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển đô thị	Bộ Xây dựng	Các Bộ: Nội vụ và các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	2025

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	CẤP TRÌNH	THỜI HẠN
21	Rà soát quy hoạch giao thông bảo đảm thông suốt và liên kết vùng	Bộ Giao thông vận tải	Các Bộ: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính và các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ	Thực hiện định kỳ theo quy định pháp luật
22	Nghiên cứu mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quản lý đô thị	Bộ Công an	Các bộ, ngành và địa phương	Thủ tướng Chính phủ	2025
IV	**XÂY DỰNG CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**				
23	a) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật điều chỉnh về Quy hoạch đô thị và nông thôn	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội	2023 - 2025
	b) Nghiên cứu đổi mới toàn diện về phương pháp, quy trình, nội dung và sản phẩm quy hoạch đô thị			Thủ tướng Chính phủ	2023 - 2025
24	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật điều chỉnh về quản lý và phát triển đô thị	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội	2023 - 2025
25	Xây dựng Luật Nhà ở (sửa đổi)	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội	2023 - 2025

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	CẤP TRÌNH	THỜI HẠN
26	Xây dựng Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi)	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội	2023 - 2025
27	Nghiên cứu, xây dựng Luật điều chỉnh về cấp, thoát nước	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội	2023 - 2025
28	Nghiên cứu, xây dựng Luật điều chỉnh về quản lý không gian ngầm	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội	2024 - 2026
29	a) Nghiên cứu, rà soát Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi, bổ sung)	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội	Thực hiện sau khi có ý kiến kết luận của Bộ Chính trị về nội dung phân cấp ngân sách
	b) Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách thuế, phí liên quan đến bất động sản		Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp	Cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật	2023 - 2025
30	Xây dựng Luật Việc làm (sửa đổi)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội	2024 - 2030

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	CẤP TRÌNH	THỜI HẠN
31	Xây dựng Luật Đất đai (sửa đổi)	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	Quốc hội	2023 - 2024
32	Rà soát, sửa đổi bổ sung hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Xây dựng và các bộ, ngành có liên quan	Cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật	2023 - 2030
33	Nghiên cứu xây dựng các cơ chế chính sách đặc thù:				
	a) Hoàn thiện các chính sách xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng về bảo vệ nguồn nước, quản lý chất thải, sử dụng tài nguyên, đất đai theo đặc điểm từng vùng miền	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các bộ, ngành có liên quan	Cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật	2023 - 2030
	b) Triển khai xây dựng và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế; triển khai xây dựng và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và cơ quan liên quan	Cơ quan có thẩm quyền theo pháp luật	2023 - 2030

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	CẤP TRÌNH	THỜI HẠN
	Chính phủ về nâng cao hiệu quả phát triển Khu công nghiệp và Khu kinh tế trong giai đoạn tới; đề xuất cơ chế chính sách về việc tích hợp các quy hoạch về tài nguyên và môi trường, biến đổi khí hậu với đô thị trong quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia; cơ chế chính sách về xây dựng dữ liệu thông tin, cập nhật thông tin nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu vùng, quốc gia				

Phụ lục III

DANH MỤC NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG ĐÔ THỊ ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI, LIÊN KẾT, THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

(Kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
5	Tổ chức rà soát, điều chỉnh hoặc lập, thẩm định, phê duyệt chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và chương trình phát triển đô thị từng đô thị			
	- Đến năm 2025 hoàn thành rà soát, phủ kín quy hoạch chung tại các đô thị; phê duyệt quy chế quản lý kiến trúc tại các đô thị vừa và lớn; đến năm 2030, tối thiểu phủ kín quy hoạch phân khu các khu vực trung tâm, khu vực dự kiến phát triển và khu vực dự kiến thành lập mới đơn vị hành chính đô thị (quận, phường)	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ Xây dựng, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác	2022 - 2030
	- Thực hiện 100% các đô thị từ loại IV trở lên có Chương trình phát triển đô thị			
	- Rà soát, lập Chương trình phát triển đô thị cho 100 đô thị tiêu biểu, có khả năng chống chịu, giảm phát thải, thông minh, có bản sắc và hoàn thiện điều kiện hạ tầng đô thị	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		2023

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
6	Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các đô thị.			
	- Cây xanh đô thị: phát triển tăng thêm ít nhất 30 triệu m^2 cây xanh tại các đô thị loại III, II, I và 10 triệu m^2 cây xanh công cộng tại các đô thị loại đặc biệt	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các bộ ngành liên quan	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác	2022 - 2030
	- Giao thông đô thị phát triển tăng thêm ít nhất 400 km^2 đất giao thông đô thị.			
	- Thoát nước và xử lý nước thải đô thị: tối thiểu tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại các đô thị loại II trở lên đạt 40% - 45% năm 2030.			
7	Cải tạo, chỉnh trang các đô thị vừa và lớn từ loại III trở lên			
	- Ít nhất 130 đô thị từ loại III trở lên hoàn thiện các tiêu chuẩn hạ tầng đô thị theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị.	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các bộ ngành liên quan	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác	2022 - 2030
	- Cải tạo chỉnh trang khu vực khoảng 700 phường thuộc đô thị từ loại III trở lên đạt chuẩn.			

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
8	Thí điểm thực hiện các dự án tái thiết đô thị và nghiên cứu đề xuất thí điểm các mô hình đột phá, đổi mới sáng tạo			
	Thí điểm lựa chọn vị trí, thực hiện dự án tái thiết đô thị tại khu vực trung tâm, tạo khu vực động lực thúc đẩy phát triển kinh tế đô thị; thí điểm các mô hình đột phá, đổi mới sáng tạo thu hút đầu tư phát triển đô thị tại 6 - 8 đô thị trung tâm cấp vùng	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các bộ ngành liên quan	Thực hiện theo các đề án riêng	2022 - 2030
9	Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, liên vùng			
	- Đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật đầu mối, các dự án cấp nước, xử lý rác thải liên vùng theo quy hoạch vùng, ưu tiên khu vực đồng bằng sông Cửu Long. - Đầu tư khép kín các đường vành đai, đường xuyên tâm, hệ thống giao thông công cộng đồng bộ có sức chở lớn, bến, bãi đỗ xe tại các đô thị.	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các bộ ngành liên quan	Thực hiện theo các đề án riêng	2022 - 2030
10	Đầu tư phát triển đảm bảo an sinh nhà ở			
	Thực hiện các chỉ tiêu đảm bảo an sinh nhà ở theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp Bộ Xây dựng và	Thực hiện theo các đề án riêng	2022 - 2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
	thị trên cả nước đạt tối thiểu 28 m^2 vào năm 2025, đến năm 2030 đạt tối thiểu 32 m^2.	các bộ, ngành có liên quan		
11	Xây dựng, phát triển đô thị thông minh			
	Thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên đến năm 2025, các nhiệm vụ giải pháp đến năm 2030 theo Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông	Thực hiện theo các đề án riêng	2022 - 2030
12	Xây dựng, phát triển đô thị có năng lực chống chịu, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển các công trình xanh, khu đô thị xanh trong đô thị, đảm bảo chất lượng môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh			
	Thực hiện các chương trình, dự án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021, nâng cao năng lực chống chịu biến đổi khí hậu của 140 đô thị.	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan	Thực hiện theo các đề án riêng	2022 - 2030
13	Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với các khu vực nông thôn đô thị hóa			
	Đầu tư xây dựng phát triển mới khoảng hơn 5.000 ha đất xây	Ủy ban nhân dân các tỉnh,	Theo quy định của	2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
	dựng đô thị, bao gồm các khu vực nông thôn đô thị hóa được công nhận đạt đô thị loại V.	thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chương trình mục tiêu quốc gia	
14	Rà soát tổng thể, sắp xếp lại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các đô thị	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác	2030
15	Hạn chế xe cá nhân và khuyến khích các phương tiện giao thông công cộng, thân thiện môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp Bộ Giao thông vận tải	Thực hiện theo đề án cụ thể	2030
16	Giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp và cơ quan liên quan	Thực hiện theo đề án cụ thể	2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
17	Đề xuất các biện pháp kiểm soát, cải thiện chất lượng không khí	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các bộ ngành liên quan	Thực hiện theo đề án cụ thể	2030
18	Mô hình bảo đảm phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở tại đô thị	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp Bộ Y tế và các bộ ngành, địa phương	Thực hiện theo đề án cụ thể	2030